

Các vấn đề của công ty & đào tạo nhân lực

企業の課題と人材育成

Yếu tố QCD đối với các đề tài của công ty
企業の課題に対する QCDと

và công cụ 5S, PDCA để hiện thực hoá các yếu tố đó
それを実現するための 5S、PDCA

QCD và công cụ 5S, PDCA để thực hiện QCD

QCD とそれを実現するための 5S、PDCA

● QCD

Q	Quality	品質	Chất lượng
C	Cost	コスト	Chi phí
D	Delivery	量・納期	Bảo đảm số lượng – hạn giao hàng

QCD và công cụ 5S, PDCA để thực hiện QCD

QCD とそれを実現するための 5S、PDCA

● QCD

Q	Quality	品質	Chất lượng
C	Cost	コスト	Chi phí
D	Delivery	量・納期	Bảo đảm số lượng – hạn giao hàng

Phải cân bằng các yêu
tổ và thực hiện một
cách đồng thời, đồng
đều

全てバランスをとって
同時に
同レベルで
実現しなければならない

QCD và công cụ 5S, PDCA để thực hiện QCD

QCD とそれを実現するための 5S、PDCA

● QCD

Q

Quality

品質

Chất lượng

→ Kỹ thuật & năng lực quản lý phải đảm bảo SX đạt được tiêu chuẩn chất lượng yêu cầu, ổn định và liên tục duy trì

要求される品質基準をクリアし安定して継続的に生み出す技術と管理能力

... Không phải “nằm trong dung sai là OK” mà phải đạt tới tâm chuẩn dung sai một cách ổn định
“公差”内に入れば良いのではなく“公差”中心を安定的に狙う力

→ Không đơn thuần chỉ là “Tỷ lệ đạt”, mà phải nâng cao năng lực “đạt thẳng”
単に“合格率”が全てでなく、“直行”の能力を上げる

... Dù kết quả là đạt, nhưng nếu nhờ sửa đi sửa lại mà đạt thì cũng không thể nói là có năng lực tạo ra chất lượng ổn định

結果が合格でも、“手直し”を繰り返した結果での合格では安定した品質を生み出す力とは言えない

... Những lãng phí về sức lực, thời gian, nguyên vật liệu gây ra bởi việc sửa hàng không chỉ ảnh hưởng làm yếu tố Q không ổn định mà còn ảnh hưởng lớn tới C và D.

“手直し”による労力、時間、資材の無駄は、Qの不安定への影響のみならずC、D、に大きな悪影響

→ Tổ chức làm sao để ai làm cũng có thể duy trì được chất lượng như nhau
誰が従事しても同じ品質を維持できる仕組み

... Phải có quy định và quản lý thực hiện làm sao để ai, bất cứ khi nào cũng có thể tạo ra được chất lượng như thế, chứ không phải chỉ “người giỏi” mới quan trọng

“上手い人”が重要なのではなく、誰でも、いつでも、同じ質を生み出すことができるルールと実施管理

QCD và công cụ 5S, PDCA để thực hiện QCD

QCD とそれを実現するための 5S、PDCA

● QCD

C	Cost	コスト	Chi phí
----------	------	-----	---------

→ Hiểu biết về chi phí và ý thức về việc giảm chi phí
原価に対する理解と原価低減の意識

... "Giá bán" được quyết định dựa trên thị trường

→ Do đó nếu không giảm chi phí (giá vốn) thì lợi nhuận sẽ không tăng lên

“売値”は市場で決まる → 費用(原価)を削減しない限り利益は大きくならない

× Chi phí + Lợi nhuận ⇒ Giá bán
費用 + 利益 ⇒ 売値

○ Giá bán - Chi phí ⇒ Lợi nhuận
売値 - 費用 ⇒ 利益

↓
Giảm Chi phí (= giá vốn) để tăng lợi nhuận
費用(=原価)を低減し利益を増大

→ Xoá bỏ mọi lãng phí liên quan tới hoạt động sản xuất để giảm chi phí
生産活動に関係するあらゆるムダを排除して原価(費用)低減を図る

Dựa vào việc giảm chi phí để tăng lợi nhuận
原価低減によって利益増大をはかる

QCD và công cụ 5S, PDCA để thực hiện QCD

QCD とそれを実現するための 5S、PDCA

● QCD

D

Delivery

量・納期

Đảm bảo số lượng –
hạn giao hàng

→ Tuyệt đối đảm bảo giao hàng đúng hạn

... Tất nhiên phải đảm bảo “Chất lượng”, “Số lượng” đúng như đã hứa với khách hàng

納期厳守 ... 勿論 “質”、“量” の顧客との約束を満たした上で

... Việc bảo đảm hạn giao hàng (= giữ lời hứa với khách hàng) là nền tảng cho sự tin tưởng của khách hàng (= đánh giá)

納期を守る (= 顧客との約束を守る) ことは、顧客の信頼 (= 評価) の基本

→ Không được trữ tồn kho dư thừa

不必要な “在庫” は持つてはいけない



● Cố gắng SX lô nhỏ trong phạm vi có thể
できるだけ小さいロットで生産する

- Cách nghĩ sai lầm “Chỉ cần gộp lại SX lô lớn là hiệu suất tăng”
“まとめてつくれば効率が上がる” という誤り
- Có thể phát sinh tồn kho lãng phí
ムダな在庫ができる
- Cần có nhà, khu để lưu kho
在庫場所、建物が必要
- Cần thời gian (nhân lực) quản lý kho
在庫管理工数(人)が必要
- Cần vận chuyển
運搬が必要になる
- Chất lượng linh kiện tồn kho bị hao mòn
在庫部品が悪化する
- Cần bỏ ra những khoản tiền đầu tư lãng phí
ムダな資金が必要

QCD và công cụ 5S, PDCA để thực hiện QCD

QCD とそれを実現するための 5S、PDCA

● 5S

Seiri	Sàng lọc 整理	Loại bỏ những thứ không cần thiết いらぬものを捨てる
Seiton	Sắp xếp 整頓	Để những thứ được quy định vào những chỗ được quy định, tạo ra trạng thái có thể lấy ra bất kỳ lúc nào 決められた物を決められた場所に置き、いつでも取り出せる状態にしておく
Seiso	Sạch sẽ 清掃	Luôn luôn dọn dẹp để giữ nơi làm việc được sạch sẽ (Luôn chăm sóc để thiết bị được toàn vẹn) 常に掃除をして仕事場をきれいに保つ（常に整備をして設備を万全に保つ）
Seiketsu	Duy trì 清潔	Duy trì “Sàng lọc” “Sắp xếp” “Sạch sẽ” 「整理」「整頓」「清掃」を維持する
Shitsuke	Sẵn sàng 躰	Xây dựng thói quen tuân theo các quy định, quy trình đã được đặt ra 決められたルール・手順を正しく守る習慣をつける

QCD và công cụ 5S, PDCA để thực hiện QCD

QCD とそれを実現するための 5S、PDCA

● 5S

Giá trị quan và cách hiểu về “5S” 「5S」への理解と価値観

○ Tại sao “5S” lại quan trọng? なぜ「5S」が重要なのか

- Dù là công việc trọng trách đến đâu, đòi hỏi kỹ thuật cao đến đâu, nếu không thực hiện “5S” thì dù ở bất kỳ công việc nào cũng sẽ không phát huy được năng lực của người thực hiện
どんな責任の重い仕事も、高度技術の仕事も、すべての仕事で「5S」が実施されていなければ、その人の能力発揮はできない

- ex. — Chỗ để dụng cụ không được sắp xếp → Không tìm thấy dụng cụ, nhầm lẫn, gây tổn hại
道具収納場所が整頓されていない → 道具が見つからない、間違える、破損する
- Thiết bị không được kiểm tra, bảo vệ, chăm sóc như quy định, người dùng trước để nguyên trạng thái khi sử dụng
設備が決められたとおりに点検、保守、整備されていない、前回使用者が使えばなし
 - Mất thời gian, nguyên liệu cho tới khi đạt được độ chính xác, nguy cơ làm giảm tuổi thọ thiết bị
 - 精度が出るまで時間、資材のムダ、設備の寿命が短くなるリスク
- Nơi SX không được lau dọn, bụi rác gây hàng hỏng
 - Công số tăng do phải sửa, hoặc sẽ phải bỏ linh kiện, và mất lòng tin của khách hàng生産現場が清掃されていない、ゴミ、チリなどで不良発生 → 手直して工数増、又は部品廃棄、顧客信頼喪失



- “5S” là nền tảng để thực hiện công việc, và cần thiết cho mọi NV (từ NV mới cho tới TGD)
「5S」は仕事をする基本として、仕事に従事する全員(社長から新入社員まで)に必要
- Cần hiểu “5S” là công cụ để “Phát huy năng lực”
「5S」は“能力発揮”のためのツールと理解すべき
(Dù có năng lực đến đâu, kỹ năng cao đến đâu cũng chỉ phát huy được năng lực khi thực hiện được “5S”)
(どんなに有能な人でも、高度技能を持つ人でも「5S」が出来て初めて能力発揮ができる)

QCD và công cụ 5S, PDCA để thực hiện QCD

QCD とそれを実現するための 5S、PDCA

● PDCA

Được đề ra bởi Water Shewhart và Edwards Deming, 2 người Mỹ đã xây dựng cách quản lý chất lượng sau Thế chiến II. Vì thế, phương pháp này còn được gọi là chu trình Shewhart (Shewhard Cycle) hay Bánh xe Deming (Deming Wheel).

第二次世界大戦後、品質管理を構築したアメリカの ウォルター・シューハート、エドワーズ・デミング らが提唱した。このため、シューハート・サイクル (Shewhart Cycle) またはデミング・ホイール (Deming Wheel) とも呼ばれる。

Plan	Kế hoạch 計画	Lập kế hoạch 業務計画を作成する
Do	Thực hiện 実行	Tiến hành công việc theo kế hoạch 計画に沿って業務を行う
Check	Kiểm chứng 実行の検証	Xác nhận xem công việc có thực thi theo kế hoạch không 業務の実施が計画に沿っているかどうか確認する
Action	Hành động cải tiến 改善アクション	Điều tra phần thực hiện không theo kế hoạch và đối ứng 実施が計画に沿っていない部分を調べて処置をする

Khi thực hiện tuần từ 4 bước trên đến lúc kết thúc 1 chu trình, thì bước Action cuối cùng sẽ liên kết với chu trình PDCA tiếp theo, đẩy từng chu trình lên mức cao hơn giống như vẽ vòng xoắn (Spiral up), cải tiến công việc một cách liên tục.

この4段階を順次行って1周したら、最後のActを次のPDCAサイクルにつなげ、螺旋を描くように1周ごとにサイクルを向上 (スパイラルアップ、spiral up) させて、継続的に業務改善する。

QCD và công cụ 5S, PDCA để thực hiện QCD

QCD とそれを実現するための 5S、PDCA

● 「Ho – Ren – So」 → Báo cáo, Liên lạc, Bàn thảo

「報・連・相」 → 報告、連絡、相談

Đây là những việc mà mọi thành viên tiến hành công việc trong một tổ chức cần phải thực hiện. “Ho-Ren-So” là viết tắt những chữ đầu trong “Hokoku-Báo cáo” “Renraku-Liên lạc” “Sodan-Bàn thảo” tạo nên tên tắt giống tên một loại rau cải để tạo cảm giác thân thuộc

組織で業務を行うにあたって、その構成員が実践すべきこと。「報告」「連絡」「相談」の頭文字と、野菜の名称「ほうれん草 (Spinach)」を掛けた略語で、親しみやすくしたもの

Ho 報	Báo cáo 報告	Nói về việc thông báo quá trình và kết quả tác nghiệp/ công việc (chủ yếu là cấp dưới báo cáo đối với chỉ thị và nhiệm vụ được cấp trên giao) 業務や作業の経過や結果を知らせることのことをいう (おもに上司からの指示や命令に対して部下が)
Ren 連	Liên lạc 連絡	Thông báo thông tin đơn giản về công việc/tác nghiệp cho các bên liên quan (Không quan trọng cấp bậc trên dưới. Trường hợp này, không nên có ý kiến chủ quan/suy đoán cá nhân) 簡単な業務・作業情報を関係者に知らせること (職場の上下関係にかかわらず。この場合、個人の意見や憶測は含まない方が好ましい。)
So 相	Bàn thảo 相談	Khi tiến hành phán định công việc, phải lắng nghe ý kiến tham khảo của cấp trên/người có kinh nghiệm/đồng nghiệp (trường hợp này cũng hầu như không quan trọng cấp bậc trên dưới) 業務判断を行う際に上司や先輩、同僚に参考意見を聞くこと (この場合、職場の上下関係はあまり関係しない。)

Điều quan trọng trong “Ho-Ren-So” việc “Tự giác thực hiện”

「報・連・相」は、上記の事柄を“自らが行う”ということがポイント

→ Có người nói chuyện với nhau thế này: “Nếu cấp trên hỏi thì tôi báo cáo” “Thế là tôi đã thực hiện được “Ho-Ren-So””.
Như thế là sai lầm.

「上司から尋ねられたら報告をする」、「自分は“報・連・相”は出来ている」という会話を聞くことがある。これは間違い。

QCD và công cụ 5S, PDCA để thực hiện QCD
QCD とそれを実現するための 5S、PDCA

【 Bàn luận余談 】

Nuôi dưỡng ngành công nghiệp hỗ trợ 裾野産業育成

Yêu cầu nhân lực của công ty và việc đào tạo – huấn luyện tại trường học
企業が求める人材と学校での教育・訓練

Yêu cầu về nhân lực của công ty
求める人材

Yêu cầu nhân lực của công ty và việc đào tạo – huấn luyện tại trường học 企業が求める人材と学校での教育・訓練

● Yêu cầu về nhân lực 求める人材

◎ Nhân viên tác nghiệp sản xuất 製造オペレーター

- Người hiểu được căn bản của sản xuất và có khả năng thực hiện điều đó với tư cách là người tham gia công việc tại hiện trường “chế tạo vật phẩm”

「ものづくり」の現場において、そこで従事する者としての基本を理解し実践できる人材

- Hiểu được ý nghĩa, mục đích của 5S, thực hiện được 5S một cách bình thường trong hoạt động hàng ngày
5S の意味、目的の理解、そして毎日の生活において普通に実践できる
- Đạo đức ... Ý thức đạo đức về việc tham gia tạo ra sản phẩm mà khách hàng sẽ sử dụng
モラル ... 顧客が使用する製品を作ることに従事するモラル
- QCD ... Ý nghĩa của Q và C và D
QCD ... QとCとDの意味
- Cải tiến ... Cách hiểu đúng đắn và ý thức cải tiến với tư cách là một trong những người chịu trách nhiệm về QCD của việc sản xuất sản phẩm, điều hành công ty
改善 ... 会社運営、製品の製造のQCDを担う一員としての正しい理解と、改善の意識

Yêu cầu nhân lực của công ty và việc đào tạo – huấn luyện tại trường học 企業が求める人材と学校での教育・訓練

● Yêu cầu về nhân lực 求める人材

◎ Nhân viên tác nghiệp sản xuất 製造オペレーター

- Người hiểu được căn bản của sản xuất và có khả năng thực hiện điều đó với tư cách là người tham gia công việc tại hiện trường “chế tạo vật phẩm”

「ものづくり」の現場において、そこで従事する者としての基本を理解し実践できる人材

- Hiểu được ý nghĩa, mục đích của 5S, thực hiện được 5S một cách bình thường trong hoạt động hàng ngày
5S の意味、目的の理解、そして毎日の生活において普通に実践できる
- Đạo đức ... Ý thức đạo đức về việc tham gia tạo ra sản phẩm mà khách hàng sẽ sử dụng
モラル ... 顧客が使用する製品を作ることに従事するモラル
- QCD ... Ý nghĩa của Q và C và D
QCD ... QとCとDの意味
- Cải tiến ... Cách hiểu đúng đắn và ý thức cải tiến với tư cách là một trong những người chịu trách nhiệm về QCD của việc sản xuất sản phẩm, điều hành công ty
改善 ... 会社運営、製品の製造のQCDを担う一員としての正しい理解と、改善の意識



- Không chỉ mỗi “NV tác nghiệp sản xuất”, mà yêu cầu đối với tất cả các tầng lớp NV nói tới sau đây
「製造オペレーター」のみならず、この後触れるすべての階層の社員に求められる

Yêu cầu nhân lực của công ty và việc đào tạo – huấn luyện tại trường học 企業が求める人材と学校での教育・訓練

● Yêu cầu về nhân lực 求める人材

◎ NV kỹ năng – kỹ thuật gia công 加工技術・技能者

- Người hiểu và nắm bắt được căn bản của việc “chế tạo vật phẩm”, có khả năng tự phát triển kỹ năng của bản thân để làm sao có thể ứng dụng được kiến thức căn bản đó để gia công bất kỳ “vật phẩm” nào
「ものづくり」の基本を理解、修得し、どのような「もの」の加工にもそれを応用できる技能を自らで伸ばすことが出来る人材

→ Căn bản của “chế tạo vật phẩm” : hiện thực hoá việc gia công linh kiện với mức QCD đồng đều, xuất sắc; thực hiện đầy đủ 5S hàng ngày để phục vụ mục đích đó

「ものづくり」の基本 : 優れたQCDバランスの部品の加工を実現、そのための5Sを毎日確りと実行

- Nếu chỉ đơn thuần là “Gia công giỏi”, thì việc huấn luyện nội bộ sau khi vào công ty là đủ đáp ứng. Cần ở đây là người hiểu được những điều trên, tự giác nâng cao năng lực bản thân, có khả năng tự thử thách bản thân, tự đối phó được với những điều mới.

単に“加工が上手い”だけなら入社後の社内訓練で十分。上記を理解し自らの能力向上、新しいことへの対応やチャレンジに自分で行動できる人材

Yêu cầu nhân lực của công ty và việc đào tạo – huấn luyện tại trường học 企業が求める人材と学校での教育・訓練

● Yêu cầu về nhân lực 求める人材

◎ NV kỹ năng – kỹ thuật gia công 加工技術・技能者

- ・ Người hiểu và nắm bắt được căn bản của việc “chế tạo vật phẩm”, có khả năng tự phát triển kỹ năng của bản thân để làm sao có thể ứng dụng được kiến thức căn bản đó để gia công bất kỳ “vật phẩm” nào
「ものづくり」の基本を理解、修得し、どのような「もの」の加工にもそれを応用できる技能を自らで伸ばすことが出来る人材
 - Căn bản của “chế tạo vật phẩm” : hiện thực hoá việc gia công linh kiện với mức QCD đồng đều, xuất sắc; thực hiện đầy đủ 5S hàng ngày để phục vụ mục đích đó
 - 「ものづくり」の基本 : 優れたQCDバランスの部品の加工を実現、そのための5Sを毎日確りと実行
 - Nếu chỉ đơn thuần là “Gia công giỏi”, thì việc huấn luyện nội bộ sau khi vào công ty là đủ đáp ứng. Cần ở đây là người hiểu được những điều trên, tự giác nâng cao năng lực bản thân, có khả năng tự thử thách bản thân, tự đối phó được với những điều mới.
 - 単に“加工が上手い”だけなら入社後の社内訓練で十分。上記を理解し自らの能力向上、新しいことへの対応やチャレンジに自分で行動できる人材



- ・ Khi nói về kỹ năng nào đó, nhiều người hay nói rằng “Giỏi” là tất cả, tuy nhiên quan trọng hơn cả kỹ năng tạo ra vật có chất lượng xuất sắc nhưng đột xuất là việc đạt tiêu chuẩn chất lượng, hơn nữa phải gia công đạt được kích thước chuẩn nhất trong giới hạn thiết kế cho phép, phải đạt được một cách ổn định, vào bất kỳ lúc nào, với bất kỳ sản lượng nào, giữ mức tiêu thụ nguyên liệu và thời gian ở mức thấp nhất ... Nếu không vận dụng triệt để căn bản của “chế tạo vật phẩm” thì sẽ không thể làm được điều này
ある技能について“上手い”ことが全てとして語られることが多いが ...
突出した素晴らしい質のものを作ることができる技能より、品質基準を満たし、しかも設計許容範囲の中心の寸法を、いつでも、いくつでも安定的に、そして材料や時間の消費は最低限で加工することが重要 ... “ものづくり”の基本を確り押さえていないとできない

Yêu cầu nhân lực của công ty và việc đào tạo – huấn luyện tại trường học

企業が求める人材と学校での教育・訓練

● Yêu cầu về nhân lực 求める人材

◎ Kỹ sư エンジニア

- ・ Kỹ sư sản xuất
生産技術者

Kỹ thuật sản xuất là gì 生産技術とは

Khi bắt đầu chế tạo cụ thể một “vật phẩm”, sẽ có quy trình (kế hoạch) thiết kế, dựa theo đó sẽ liên kết với công đoạn tạo ra “vật phẩm” thực tế (sản xuất). Kỹ thuật sản xuất là kỹ thuật thiết kế công đoạn và phương pháp sản xuất làm thế nào để sản xuất với chất lượng cao, dễ làm, hiệu suất cao

具体的に「もの」を作っていく際に、設計する工程(計画)と、それに従い実際に「もの」を作り出す工程(生産)をつなぎ、いかにして品質高く、作りやすく、効率的に生産するか、という方法を工程として設計する技術

→ Sản xuất sản phẩm với QCD ở mức xuất sắc 製品を優れたQCDで具現化する

Kỹ thuật sản xuất làm sao để sử dụng một cách hiệu quả các nguồn lực có hạn (con người, nguyên vật liệu, thiết bị, chi phí) khi sản xuất rất nhiều chủng loại sản phẩm, sản xuất với chi phí thấp mà vẫn đạt được chất lượng tiêu chuẩn một cách ổn định và theo đúng kế hoạch (bao gồm cả việc xây dựng kế hoạch chính xác không lãng phí)

様々な種類の機種を製造するにあたり、それに投入できる限られたリソース(人、資材、設備、コスト)を有効に活用して、基準とおりの品質を安定して、安く、計画通りに(無駄のない計画作りも含む)産出する技術

Yêu cầu nhân lực của công ty và việc đào tạo – huấn luyện tại trường học 企業が求める人材と学校での教育・訓練

● Yêu cầu về nhân lực 求める人材

◎ Kỹ sư エンジニア

- ・ Kỹ sư sản xuất
生産技術者

Kỹ thuật sản xuất là gì 生産技術とは

Khi bắt đầu chế tạo cụ thể một “vật phẩm”, sẽ có quy trình (kế hoạch) thiết kế, dựa theo đó sẽ liên kết với công đoạn tạo ra “vật phẩm” thực tế (sản xuất). Kỹ thuật sản xuất là kỹ thuật thiết kế công đoạn và phương pháp sản xuất làm thế nào để sản xuất với chất lượng cao, dễ làm, hiệu suất cao

具体的に「もの」を作っていく際に、設計する工程(計画)と、それに従い実際に「もの」を作り出す工程(生産)をつなぎ、いかにして品質高く、作りやすく、効率的に生産するか、という方法を工程として設計する技術

→ Sản xuất sản phẩm với QCD ở mức xuất sắc 製品を優れたQCDで具現化する

Kỹ thuật sản xuất làm sao để sử dụng một cách hiệu quả các nguồn lực có hạn (con người, nguyên vật liệu, thiết bị, chi phí) khi sản xuất rất nhiều chủng loại sản phẩm, sản xuất với chi phí thấp mà vẫn đạt được chất lượng tiêu chuẩn một cách ổn định và theo đúng kế hoạch (bao gồm cả việc xây dựng kế hoạch chính xác không lãng phí)

様々な種類の機種を製造するにあたり、それに投入できる限られたリソース(人、資材、設備、コスト)を有効に活用して、基準とおりの品質を安定して、安く、計画通りに(無駄のない計画作りも含む)産出する技術

- ・ Tuy có tổ chức các buổi tham quan nhà máy cho sinh viên ngành kỹ thuật, nhưng rất ít sinh viên có hứng thú với kỹ thuật “chế tạo vật phẩm”
技術系学生の工場見学会を実施することがあるが、“ものづくり”の技術に興味を持つ学生が少ない

Yêu cầu nhân lực của công ty và việc đào tạo – huấn luyện tại trường học 企業が求める人材と学校での教育・訓練

● Yêu cầu về nhân lực 求める人材

◎ Nhân viên quản lý 管理者

- ・ Tạo dựng QCD ở mức xuất sắc và có tính cân đối giữa các yếu tố
優れた且つバランスのとれたQCDを実現する。
- ・ Nhận thức được các đề tài của tổ chức mình đảm trách nhằm mục đích trên, và xây dựng phương sách giải quyết
上記のために、担当する組織の課題認識、解決のための方針策定をする
- ・ Tổ chức triển khai phương sách đó. Thực hiện PDCA tại tổ chức đảm trách để tiến hành giải quyết đề tài
上記方針の展開を図る。担当する組織でPDCAを回して課題解決を行う
- ・ Tổ chức đào tạo nhân lực, tiến hành cải tiến công đoạn nhằm mục đích trên
上記のための人材育成、工程改善を図る
- ・ Dựa trên chính sách của công ty, chính sách của bộ phận, liên kết với các bộ phận khác đảm nhiệm một phần
không thể thiếu trong việc hình thành sức mạnh tập thể của tổ chức
全社方針や部門方針に応じて他部署と連携し、組織の総合力形成の一翼を担う

Yêu cầu nhân lực của công ty và việc đào tạo – huấn luyện tại trường học 企業が求める人材と学校での教育・訓練

● Yêu cầu về nhân lực 求める人材

◎ Nhân viên quản lý 管理者

- Tạo dựng QCD ở mức xuất sắc và có tính cân đối giữa các yếu tố優れた且つバランスのとれたQCDを実現する。
- Nhận thức được các đề tài của tổ chức mình đảm trách nhằm mục đích trên, và xây dựng phương sách giải quyết上記のために、担当する組織の課題認識、解決のための方針策定をする
- Tổ chức triển khai phương sách đó. Thực hiện PDCA tại tổ chức đảm trách để tiến hành giải quyết đề tài上記方針の展開を図る。担当する組織でPDCAを回して課題解決を行う
- Tổ chức đào tạo nhân lực, tiến hành cải tiến công đoạn nhằm mục đích trên上記のための人材育成、工程改善を図る
- Dựa trên chính sách của công ty, chính sách của bộ phận, liên kết với các bộ phận khác đảm nhiệm một phần không thể thiếu trong việc hình thành sức mạnh tập thể của tổ chức
全社方針や部門方針に応じて他部署と連携し、組織の総合力形成の一翼を担う



- Khi nhắc tới Việt Nam với tư cách là điểm đầu tư của doanh nghiệp Nhật, có một điều lo lắng là sự khó khăn trong việc bảo đảm nguồn “Nhân viên quản lý”
日系企業の投資先としてベトナムが語られる時「管理職者」の確保が難しいことが懸念としてあがる
- Đào tạo nhân lực trong doanh nghiệp, kinh nghiệm xã hội, giáo dục trường học, v.v., có rất nhiều yếu tố, nhưng từ thời sinh viên, nếu học được dù chỉ một điều: “Căn bản của việc vận hành doanh nghiệp = QCD xuất sắc” thì khả năng tương lai trở thành “Người quản lý” sẽ mở rộng rất nhiều
企業内の人材育成、社会経験、学校教育・・・など様々な理由があるが、“企業運営の基本 = 優れたQCD”
ということだけでも学生時代から理解できていれば、
将来の「管理職者」としての可能性大きく広がる

Yêu cầu nhân lực của công ty và việc đào tạo – huấn luyện tại trường học
企業が求める人材と学校での教育・訓練

Mong muốn đối với chính phủ
và các cơ quan giáo dục
教育機関や行政に求めたいこと

Yêu cầu nhân lực của công ty và việc đào tạo – huấn luyện tại trường học 企業が求める人材と学校での教育・訓練

● Mong muốn đối với chính phủ và cơ quan giáo dục 教育機関や行政に求めたいこと

◎ Nhu cầu với trung học công nghiệp 工業高校へのニーズ

Trung học công nghiệp của Nhật là gì
日本の工業高校とは

Lấy việc đào tạo về “chế tạo vật phẩm” làm cơ bản, vừa xem trọng việc học mang tính thực tế, tính trải nghiệm thông qua việc thực hành, vừa đào tạo ra nguồn nhân lực có thể hoạt động được trong mỗi lĩnh vực công nghiệp dựa vào chương trình học thiết kế nhằm phát triển kỹ thuật công nghiệp

「ものづくり」教育を基本として、実習などをおして实际的・体験的な学習を重視するとともに、工業技術の発展に対応した学習により、工業の各分野で活躍できる人材を育成する

→ Ý muốn trở thành nhân lực đảm trách sự nghiệp “Công nghiệp hoá” sau khi học xong cấp 2
中学校修了の段階で“工業化”を担う人材になろうとする志

→ Nắm bắt những gì “căn bản” của một người “chế tạo vật phẩm” ... có thể kỳ vọng người đó sẽ sớm trở thành nguồn lực của hiện trường sản xuất

“ものづくり”に従事する者としての“基本”を修得 ... 早く生産現場の戦力となる期待が出来る

Yêu cầu nhân lực của công ty và việc đào tạo – huấn luyện tại trường học 企業が求める人材と学校での教育・訓練

● Mong muốn đối với chính phủ và cơ quan giáo dục 教育機関や行政に求めたいこと

◎ Nhu cầu với trung học công nghiệp 工業高校へのニーズ

Trung học công nghiệp của Nhật là gì
日本の工業高校とは

Lấy việc đào tạo về “chế tạo vật phẩm” làm cơ bản, vừa xem trọng việc học mang tính thực tế, tính trải nghiệm thông qua việc thực hành, vừa đào tạo ra nguồn nhân lực có thể hoạt động được trong mỗi lĩnh vực công nghiệp dựa vào chương trình học thiết kế nhằm phát triển kỹ thuật công nghiệp

「ものづくり」教育を基本として、実習などをおして实际的・体験的な学習を重視するとともに、工業技術の発展に対応した学習により、工業の各分野で活躍できる人材を育成する

→ Ý muốn trở thành nhân lực đảm trách sự nghiệp “Công nghiệp hoá” sau khi học xong cấp 2

中学校修了の段階で“工業化”を担う人材になろうとする志

→ Nắm bắt những gì “căn bản” của một người “chế tạo vật phẩm” ... có thể kỳ vọng người đó sẽ sớm trở thành nguồn lực của hiện trường sản xuất

“ものづくり”に従事する者としての“基本”を修得 ... 早く生産現場の戦力となる期待が出来る



• Tuy chỉ là “Tốt nghiệp cấp 3”, nhưng đây là nền tảng nguồn nhân lực “Công nghiệp hoá” hữu hiệu nhất cho sự nghiệp “Công nghiệp hoá” của đất nước, “Nuôi dưỡng các ngành công nghiệp hỗ trợ”

学歴はあくまでも「高校卒」であるが、「工業化」人材の基礎として、国の「工業化」、「裾野産業育成」には最も有効

• Nhu cầu của các doanh nghiệp sản xuất Nhật Bản là rất cao

日系の「製造業」のニーズが高い

Yêu cầu nhân lực của công ty và việc đào tạo – huấn luyện tại trường học 企業が求める人材と学校での教育・訓練

● Mong muốn đối với chính phủ và cơ quan giáo dục 教育機関や行政に求めたいこと

◎ Trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp ... Nâng cao mức độ đào tạo Nv kỹ năng và áp dụng “Chế độ kiểm định kỹ năng”

職業訓練校、専門学校 ... 技能者育成のレベルアップと「技能検定制度」の活用

・ Áp dụng “Chế độ kiểm định kỹ năng” 「技能検定制度」の活用

→ Trong dự án ODA của chính phủ Nhật, để triển khai “Chế độ kiểm định kỹ năng” dạng cơ bản của Nhật, JICA đã cử chuyên gia tới công tác tại Tổng cục dạy nghề (GDVT), với sự hỗ trợ của “Hiệp hội dạy nghề trung ương” Nhật, đến nay đã thực hiện được các kỳ thi: “Máy tiện” cấp 3, “Máy tiện” cấp 2, “Máy phay” cấp 3, “Kiểm tra máy móc” cấp 3.

日本政府のODA案件で、日本の“ものづくり”基本系の「技能検定制度」の展開を図るために、JICAが日本の専門家をベトナムの職業訓練総局(GDVT)派遣し、現在までに「旋盤」3級、「旋盤」2級、「フライス盤」3級、「機械検査」3級の検定試験を日本の「中央職業訓練協会」のサポートにより実施している。

- Ban đầu, chỉ tập hợp sinh viên và nhân viên của một số công ty để thực hiện kỳ thi, nhưng gần đây đã có nhiều giáo viên của các trường dạy nghề tại các địa phương tham gia, và tuyển dụng nhân viên kiểm định

- 当初は、学生やいくつかの企業から受験者を募って実施したが、最近は各地の職業訓練校の先生が多く受験したり、検定員を務めたりしている。

→ Tại Việt Nam đã có “Chế độ kiểm định kỹ năng” rồi. Việc “Chế tạo vật phẩm” trong lĩnh vực gia công thì mới chỉ dừng ở “Máy trung tâm”. “Máy trung tâm” là môn học quan trọng, tuy nhiên để đào tạo nhân lực “chế tạo vật phẩm”, thì nên chú ý tới cả những lĩnh vực cơ bản về gia công như “Máy tiện”, “máy phay”, lấy đây là xuất phát điểm trong việc huấn luyện nhân viên kỹ năng.

ベトナムには既に「技能検定制度」が既にある。“ものづくり”系として加工分野では「マシニングセンター」のみと聞く。「マシニングセンター」は必要な科目であるが、“ものづくり”人材の育成のためには、「旋盤」「フライス盤」などの加工系の基本分野を用意し、技能者の訓練の出発点とすべき

Yêu cầu nhân lực của công ty và việc đào tạo – huấn luyện tại trường học 企業が求める人材と学校での教育・訓練

● Mong muốn đối với chính phủ và cơ quan giáo dục 教育機関や行政に求めたいこと

◎ Trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp … Nâng cao mức độ đào tạo Nv kỹ năng và áp dụng “Chế độ kiểm định kỹ năng”

職業訓練校、専門学校 … 技能者育成のレベルアップと「技能検定制度」の活用

・ Áp dụng “Chế độ kiểm định kỹ năng” 「技能検定制度」の活用

→ Các câu hỏi trong kỳ thi kiểm định kỹ năng của Nhật Bản là những câu hỏi đòi hỏi thí sinh phải hiểu rõ hình dáng và kích thước, dựa trên đó xem xét cách và trình tự gia công, và để hoàn thành được trong thời gian kiểm định mà không để xảy ra vấn đề gì, thí sinh phải luyện tập và điều chỉnh trình tự gia công, chuẩn bị kỹ càng thiết bị, dụng cụ, v.v., nếu không có sự kỹ càng từ khâu chuẩn bị cho tới thực hiện thì sẽ không thể đỗ. Những người làm được đầy đủ các điều này và đỗ kỳ thi kiểm định là những người có thể kỳ vọng được rằng: sau khi vào công ty, họ sẽ có thể tự nâng cao năng lực của mình thông qua việc gia công ở nhiều lĩnh vực mới.

日本の技能検定試験での課題は、受験者がよく形状や寸法を理解した上で加工の仕方、手順を熟慮し、練習し、規定時間内に問題なく終了するよう、練習して手順見直しを行い、設備、道具をきちんと整備して …… というきちんと準備～実践しなくては合格できないような課題。これにしっかり取り組んで合格した者は、会社に入社後、様々な新しい分野の加工で、自分の能力を自ら高めていくことができる人材と期待できる

→ Nếu các trường đào tạo nghề và trung học chuyên nghiệp bổ sung mục “Lấy được chứng chỉ Kiểm định kỹ năng “Máy tiện” cấp 3” vào “Chứng chỉ tốt nghiệp”, thì những công ty tuyển dụng như chúng tôi sẽ nhận thấy có thể kỳ vọng những sinh viên tốt nghiệp từ trường đó có thể trở thành nguồn nhân lực như trên, và sẽ muốn ưu tiên tuyển dụng từ trường đó.

もしも、技能系の職業訓練校や専門学校が、「卒業資格」に“技能検定「旋盤」3級の資格を取る事”と課したとしたら、我々採用する側の企業は、ここの卒業生は、上記のような人材になる期待を持てると、この学校からの優先に採用したいと考える

Yêu cầu nhân lực của công ty và việc đào tạo – huấn luyện tại trường học 企業が求める人材と学校での教育・訓練

● Mong muốn đối với chính phủ và cơ quan giáo dục 教育機関や行政に求めたいこと

◎ Cao đẳng – Đại học khối kỹ thuật … Mở rộng chuyên ngành học sản xuất công nghiệp, kỹ thuật sản xuất

大学・短大技術系 … 生産技術、生産工学専攻の拡大

※ Tương tự như nội dung đã trình bày trong mục “Hệ cao đẳng – đại học kỹ thuật” trong phần “Yêu cầu về nhân lực”
前述した“求める人材”の“大卒・短大技術系”の項目で述べたことと同じ



- Thực hiện cụ thể QCD mức độ xuất sắc vào sản phẩm
製品を優れたQCDで具現化する

Khi sản xuất nhiều chủng loại sản phẩm, kỹ thuật sản xuất đòi hỏi phải sử dụng hiệu quả các nguồn lực giới hạn (con người, nguyên vật liệu, thiết bị, chi phí), thực hiện theo đúng kế hoạch (bao gồm cả việc xây dựng kế hoạch chính xác không lãng phí), chi phí thấp mà vẫn phải đảm bảo đạt được chất lượng tiêu chuẩn một cách ổn định, 様々な種類の機種を製造するにあたり、それに投入できる限られたリソース(人、資材、設備、コスト)を有効に活用して、基準とおりの品質を安定して、安く、計画通りに(無駄のない計画作りも含む)産出する技術

- Mong chú ý hơn để hiểu về giá trị của “chế tạo vật phẩm” đối với Công nghiệp hoá và có hứng thú sâu hơn về việc này

“ものづくり”の工業化への価値を理解、興味を深めることに注視して欲しい

Tôi cho rằng nếu sinh viên các trường đại học-cao đẳng khối kỹ thuật không có hứng thú sâu sắc với “Chế tạo vật phẩm”, và không bước vào làm việc trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp thì sẽ rất khó để tăng tốc độ “Công nghiệp hoá”

大学や短大の技術系の学生が、“ものづくり”へ深い興味を持ち、工業系産業分野へ進出しなければ、“工業化”の加速は難しいと考える

Yêu cầu nhân lực của công ty và việc đào tạo – huấn luyện tại trường học 企業が求める人材と学校での教育・訓練

● Mong muốn đối với chính phủ và cơ quan giáo dục 教育機関や行政に求めたいこと

◎ Hướng nghiệp, hướng dẫn xin việc 進路指導、就職指導

→ Nghe nói hầu như không có trường hay cơ sở đào tạo nào thực hiện điều này
学校または教育機関でこれを実施しているところは殆どないと聞く。

→ Tôi cho rằng việc đưa nhân lực mình đã đào tạo vào xã hội vào đúng chỗ thích hợp là nhiệm vụ của trường và cơ sở đào tạo. Ngoài ra, tôi nghĩ nên xây dựng tổ chức hướng nghiệp, hướng dẫn xin việc do đây cũng sẽ trở thành tiêu chuẩn khi học sinh chọn trường

育成した人材を、適材適所、社会へ送り出すことは学校および教育機関の責務であると考えます。
また、入学を考える学生の学校を選択する基準にもなるため、進路指導、就職指導の仕組みを構築すべきと考えます

- Tôi thấy sinh viên mới tốt nghiệp không hề có sự hỗ trợ từ nhà trường mà phải tự đi xin việc giống như những người chuyển việc, và không hề dễ dàng để họ có thể tìm thấy công việc thích hợp có thể ứng dụng được chuyên môn hay lĩnh vực mình thành thạo, tôi cho rằng đây là tổn thất đối với cả sinh viên và xã hội.

新卒の学生が、学校の支援もなく、転職者と同じく就職活動を行っている様子を見るが、本人の得意な分野、専攻したことを活かす分野などに適切な仕事を見つけることが簡単ではないような様子で、学生にとっても社会にとっても損失といえる

- Trong một bộ phận thuộc cơ quan đào tạo đang tiến hành dựa trên sự hỗ trợ của chuyên gia JICA, đang tiến hành xây dựng tổ chức hướng nghiệp, hướng dẫn xin việc và đang bắt đầu có thành quả

JICA専門家が支援を行っている教育機関の一部では、進路指導、就職指導の仕組みの構築を行っており成果が出始めたところ

Yêu cầu nhân lực của công ty và việc đào tạo – huấn luyện tại trường học 企業が求める人材と学校での教育・訓練

● Mong muốn đối với chính phủ và cơ quan giáo dục 教育機関や行政に求めたいこと

◎ Nắm bắt nhu cầu nhân lực 人材ニーズの把握

- Chính phủ và các trường/cơ sở đào tạo có lần đã hỏi: “Tại sao các công ty Nhật không tới lấy người của các cơ sở/trường đào tạo?” “Muốn doanh nghiệp Nhật cho biết nhu cầu cần bao nhiêu người, ở đâu”
「日系企業はなぜ学校または教育機関に人を取りにこないのか?」「どこで何人の日系企業ニーズがあるのかを教えて欲しい」と、行政や学校、教育機関から聞かれることがある
- Mong muốn các trường/cơ sở đào tạo hãy tự nỗ lực để nắm được nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp
学校、教育機関は、自分で企業の人材ニーズを把握することに努めて欲しい
- Mong muốn các trường/cơ sở đào tạo quyết định phương châm đào tạo, quảng bá điểm mạnh nhân lực mình đào tạo ra (nội dung đào tạo/huấn luyện) tới các công ty
学校、教育機関は、教育方針を定め、送り出す人材の特長(教育・訓練の内容)などを企業へアピールして欲しい。



- Rất nhiều doanh nghiệp đầu tư nước ngoài lấy kỳ vọng vào “Nguồn nhân lực” giỏi là một trong những lý do đầu tư. Do đó, có tiềm năng nhu cầu đối với nguồn nhân lực đào tạo bởi các trường/cơ sở đào tạo
多くの外国投資企業は、優秀な“人材”への期待も投資の理由の一つである。
従って、学校、教育機関から輩出される人材への潜在的ニーズはある
- Không ít doanh nghiệp cho rằng, nếu không thấy được đặc điểm nhân lực và phương châm đào tạo (nội dung đào tạo/huấn luyện) của các trường/cơ sở đào tạo, thì việc tự đào tạo trong công ty cũng đã là đủ và an toàn.
学校、教育機関の教育方針や人材の特長(教育・訓練の内容)が見えなければ、企業者自社での材育成で十分および安全と考えるところが少なくない。

Yêu cầu nhân lực của công ty và việc đào tạo – huấn luyện tại trường học 企業が求める人材と学校での教育・訓練

● Mong muốn đối với chính phủ và cơ quan giáo dục 教育機関や行政に求めたいこと

◎ Nắm bắt nhu cầu nhân lực 人材ニーズの把握

- ・ Mong muốn sử dụng những thông tin về nhu cầu nhân lực đã nắm được vào việc cải tiến chính sách giáo dục đào tạo và phương pháp đào tạo nhân lực
把握した人材ニーズの情報などを教育方針、人材育成の手段の改善に生かしてほしい
 - Đã từng có ý kiến muốn xây dựng các khoá đào tạo (có tính phí) dựa trên đặt hàng của doanh nghiệp nhằm nắm bắt nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp và nhằm cải tiến nội dung đào tạo. Đây cũng là một cách, nhưng đối với thông tin về nhu cầu nhân lực cụ thể, thì tôi mong muốn các ngài nắm được các thông tin đó thông qua nhiều biện pháp, ví dụ như đi vào hẳn doanh nghiệp và tìm hiểu lắng nghe nhu cầu của họ
- 企業の人材ニーズの把握のため、教育内容の改善のため、企業の注文に応じてオーダーメイドの講座を作る(有料)と言われることがある。これは一つの方法ではあるが、基本的に人材ニーズの情報などは、いろいろな手段で、具体的には企業へ足を運んで聞き取り調査などによって把握してほしい

Lời cuối
最後に

Lời cuối 最後に

● “Căn bản” “基本”について

◎ Giá trị quan về khái niệm “Căn bản” trong công việc
仕事する上での “基本” についての価値観

・「5S」、「Ho・Ren・So」、「QCD」、「PDCA」・・・

Cần xem xét lại “Giá trị” của những yếu tố căn bản trên đối với việc phát triển năng lực

「5S」、「報・連・相」、「QCD」、「PDCA」・・・

などの基本的なことの能力開発への “価値” を見直す

→ Tránh tổn hại gây ra bởi những thiếu sót trong hiểu biết và thực hành các yếu tố “Căn bản” tới việc phát triển năng lực cá nhân, phát huy năng lực ~ sự nghiệp Công nghiệp hoá, phát triển kinh tế

“基本”的な事への理解、実践が不足することが、個々の能力開発、能力発揮 ~ 工業化、経済発展の障害にならないように

Các vấn đề của công ty và Đào tạo nhân lực
企業の課題と人材育成

Kết thúc
終